

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2021

V/v: Tranh chấp HN và GD.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Việt Hoài.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mỹ N, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1988.

Đều cư trú tại: Số nhà 152, đường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn, chị Vũ Thị Mỹ N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Mỹ N và anh Nguyễn Đức H tự nguyện kết hôn và có Đ ký kết hôn ngày 17/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh H,

vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, luôn bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong cách nuôi dạy con, cuộc sống chung rất căng thẳng. Tháng 6 năm 2020 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh H, được Tòa án hòa giải và đề cho vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ về cuộc sống hôn nhân nên chị N đã rút đơn. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020, kể từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, chị N không còn tình cảm với anh H, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H, việc ly hôn chị N đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh H có hai con chung con là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015 và con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/02/2021. Vợ chồng ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh H không đồng ý thì chị N xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Đ, để anh H trực tiếp nuôi con Nguyễn Đức Q. Hiện chị N đang công tác tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố, tiền lương 2.285.000 đồng/tháng, ngoài ra chị N còn làm thêm là nhân viên xuất nhập khẩu tại Công ty TNHH sản xuất bao sợi đay và Thương mại tổng hợp TĐ lương và phụ cấp 9.500.000đồng/tháng, chị N có đủ khả năng để nuôi con, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Chị N và anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng.

** Bị đơn, anh Nguyễn Đức H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện tìm hiểu, có Đ ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B ngày 17/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị N hiểu lầm anh H và nghi ngờ anh H không chung thủy, do đặc thù công việc nên anh H thường đi sớm về muộn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh H vẫn còn tình cảm với chị N, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh H có thể khắc phục được nên anh H không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là con Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015, hiện chị N đang mang thai con thứ hai được 05 tháng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đức Q và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh H và chị N không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Đại diện chính quyền địa phương nơi anh H đang cư trú cung cấp nội dung như sau:*

Anh Nguyễn Đức H và chị Vũ Thị Mỹ N có Đ ký hộ khẩu thường trú và có Đ ký kết hôn tại UBND phường X. sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh H. Quá trình chung sống giữa anh H và chị N có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương biết vì anh H và chị N không nhờ địa phương hòa giải. Anh H và chị N đã giải quyết việc ly hôn một lần đến nay chị N xin ly hôn anh H địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh H và chị N có 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015. Anh H và chị N có tài sản chung hay không, vợ chồng có vay nợ hay không thì địa phương không biết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147; 203; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/02/2021. Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015, chị N và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Chị Vũ Thị Mỹ N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Chị Vũ Thị Mỹ N có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt chị N và anh H.

II. Về nội dung:

[1] Hôn nhân giữa chị N và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do chị N nghi ngờ anh H không chung thủy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong cách nuôi dạy con. Tháng 6 năm 2020 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh H, được Tòa án hòa giải chị N đã rút đơn, kể từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H là

có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh H không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh H.

[3] Về nuôi con chung: Tại lời khai ngày 16 tháng 12 năm 2020 anh H khai vợ chồng có 01 con chung là con Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015 và chị N đang mang thai con thứ hai. Đến thời điểm hiện tại chị N đã sinh con thứ hai là con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/02/2021. Hội đồng xét xử xác định anh H và chị N có 02 con chung. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh H không đồng ý thì chị N xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Đ. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Đức Q. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung, cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một con là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa. Chị N và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Do chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Mỹ N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Mỹ N được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/02/2021. Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Đức Q, sinh ngày 26/9/2015. Tạm thời chị N và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị Mỹ N và Nguyễn Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004994 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- UBND phường X, TP Thái Bình
(CNKH số 65, quyền số 01 ngày 17/7/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết